

Số/No.: 2608/2022/XMVHDD(D3-D4)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT**

Ngày/Date: 05/09/2022

Trang/Page: 1/1

- Tên mẫu:** Xi măng Poóc lăng hỗn hợp PCB40 (Tên thương mại: Xi Măng Vicem Hà Tiên Đa Dụng PCB40)
Name of sample
- Số lô:** 03-04/08/2022 **Ngày xuất:** 03-04/08/2022 **Khối lượng lô hàng:** 768 tấn
Lot no.: **Date of delivering:** **Volume of consignment:**
- Ngày sản xuất:** 01/08/2022 **Thời gian thử nghiệm:** 05/08/2022 - 02/09/2022 **Phương pháp lấy mẫu:** HD-516-01-02 (*)
Date of manufacture: **Testing duration:** **Sampling method:**
- Ngày lấy mẫu:** 03-04/08/2022 **Phụ gia khoáng:** Puzzoland, Đá vôi, Xi lò cao, Tro bay, Cát kết
Date of sampling: **Testing duration:** **Processing admixture:** Trộn nghiền 6H2
Mineral additives: Puzzoland, Limestone, Granulated blast furnace slag, Fly ash, Sandstone
- Tên khách hàng/Client:** Xi nghiệp Tiêu thụ & Dịch vụ - Công ty CP Xi Măng Vicem Hà Tiên
Địa chỉ/Address: 09+19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp. HCM
- Điều kiện thử nghiệm/Testing conditions:**
- Phòng tạo mẫu và thử mẫu/ Mixing and testing room: $t = (27 \pm 2) ^\circ\text{C}$, $\text{Rh} \geq 50\%$
- Bể nước bảo dưỡng mẫu/ Water curing tank: $t = (27 \pm 1) ^\circ\text{C}$
- Tủ môi trường/ Humidity cabinet: $t = (27 \pm 1) ^\circ\text{C}$, $\text{Rh} \geq 90\%$
- Kết quả thử nghiệm/Test results:**

CHỈ TIÊU Characteristics	PHƯƠNG PHÁP THỬ Test method	YÊU CẦU KỸ THUẬT Standard specification TCVN 6260 : 2020	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM Test result
1. Cường độ nén/Compressive Strength , - 3 ngày $\pm 45'$ / 3 days ± 45 mins - 28 ngày ± 8 giờ/ 28 days ± 8 h	MPa MPa	TCVN 6016 : 2011 ≥ 18 ≥ 40	20.9 41.6
2. Thời gian đông kết/Setting time, - Bắt đầu - Initial , - Kết thúc - Final ,	min min	TCVN 6017 :2015 ≥ 45 ≤ 420	185 230
3. Độ nghiền mịn/Fineness - Phần còn lại trên sàng 0,045 mm - Residue on sieve 0,045 mm - Bề mặt riêng/ Blaine: - Specific surface/ Blaine	% cm ² /g	TCVN 4030 : 2003 12 (***) 4000 (***)	9.5 4240
4. Độ ổn định thể tích theo Le Chatelier Soundness, Le Chaterlier method	mm	TCVN 6017 :2015 ≤ 10	0.60
5. Hàm lượng SO₃/Sulfur trioxide content	%	TCVN 141 : 2008 ≤ 3.5	1.75
6. Hàm lượng MKN/Loss on ignition	%	TCVN 141 : 2008 ≤ 10	3.93

Ghi chú/ Note:

- Phiếu kết quả thử nghiệm này thay thế cho phiếu

Số/No.: 2608/2022/XMVHDD(D3-D4) (1) - "nếu có"

Nhận xét/Remark: Đạt/pass: ☒

Không đạt/None ☐



**TL. GĐ TRẠM NGHIÊN PHÚ HỮU/PP DIRECTOR
TP. THỬ NGHIỆM/ MANAGER OF LAB DEPT**



NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH

1. Kết quả thử nghiệm này chỉ có giá trị đối với mẫu thử - Test results are valid for the namely submitted sample only

2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm, (ngoại trừ toàn bộ) nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trưởng phòng.
This test report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Laboratory manager.

3. (*) Chỉ tiêu chưa được BoA công nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025- The test hasn't been found to conform with the requirement of ISO/IEC 17025 by BoA

4. (***) Áp dụng theo TCVN - 24- 2022/ Apply according to TCVN - 24 -2022